

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2020/DS-PT

Ngày: 21 - 12 -2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi K Buô; Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2020/TLPT-DS ngày 04/11/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020, và quyết định hoãn phiên tòa số 215/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; trú tại: Số 44 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Đồng bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970.

2. Ông Y K Niê, sinh năm 1945.

3. Ông Y Y Niê, sinh năm 1996.

Cùng trú tại: Buôn T, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là:* Ông Lê Xuân Anh P, sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 33 đường S, phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP Phát triển M; địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh K, Phường N, Quận 1, thành phố M.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Chung Chí T- Sinh năm 1979 – chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Q - Ngân hàng TMCP phát triển thành phố M – chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; trú tại: Thôn 1, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê trong vụ kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Nguyễn Thị H (nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê (bị đơn) có quan hệ vay mượn tiền nhiều lần có khoản trả khoản chưa trả cụ thể:

Ngày 18/12/2014 bị đơn bà H1 và ông Y K có đến nhà nguyên đơn hỏi vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 30/02/2015 và ngày 25/01/2015 bị đơn bà H1 và ông Y K tiếp tục hỏi vay tiền thì nguyên đơn hẹn ngày hôm sau sẽ vào huyện K lấy hàng (thịt bò) sẽ mang vào cho mượn. Đúng hẹn ngày 26/01/2015 nguyên đơn mang cho bị đơn mượn số tiền 200.000.000 đồng, bị đơn hẹn 10 ngày sau tức ngày 06/02/2015 sẽ trả, khi vay không thỏa thuận lãi suất, đối với khoản vay này bị đơn thế chấp làm tin Cavet xe ô tô BKS 47A-097... mang tên Nguyễn Thị H1. Đến hạn bị đơn chưa trả và trình bày hoàn cảnh khó khăn đồng thời có nguyện vọng vay thêm 500.000.000 đồng để mua bò, đất... làm trang trại tạo thu nhập cho gia đình để có điều kiện trả toàn bộ tiền cho nguyên đơn thì được nguyên đơn đồng ý và lập giấy vay tiền đề ngày 05/9/2017, khoản vay này có Y Y Niê cùng thực hiện.

Mục đích các khoản vay trên đều phục vụ gia đình và đầu tư kinh doanh, khi vay các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng theo lãi Ngân hàng nhưng đến nay bị đơn chưa trả gốc, lãi cho nguyên đơn.

Khi vay bị đơn có giao cho nguyên đơn 05 GCNQSDĐ để làm tin mang tên của: 1. Y S Bkrông số thửa 3113, tờ bản đồ 21 tại xã Ea Tiêu; 2. Y T Ayun số thửa 111, tờ bản đồ 56 tại xã K, huyện P; 3. Y B Mlô số thửa 2594a, tờ bản đồ 12 tại xã Ea T; 4. H D Mlô, 5 Y Y Niê. Đối với các GCNQSDĐ nêu trên chỉ có một bìa mang tên Y Y Niê là của bị đơn còn các bìa khác không phải nhưng do bị đơn nói đây là những bìa người ta đang vay tiền của bị đơn và họ hẹn ngày trả, nếu khi họ trả thì bị đơn sẽ mang tiền đến trả cho nguyên đơn để lấy lại GCNQSDĐ, thì nguyên đơn tin và đồng ý.

Năm 2018 do bị đơn không có tiền trả nên có đặt vấn đề sang tên GCNQSDĐ của bị đơn cho nguyên đơn đứng tên dùm để vay Ngân hàng (vì bị đơn thuộc diện nợ xấu nên hệ thống Ngân hàng không cho vay) mục đích lấy tiền trả nợ cho nguyên đơn. Sau khi sang tên nguyên đơn vay Ngân hàng M phòng giao dịch Trung H số tiền 400.000.000 đồng, Ngân hàng thu lãi và chi phí vay 11.000.000 đồng, còn lại số tiền 389.000.000 đồng nguyên đơn và bị đơn thống nhất khấu trừ vào số tiền của hai

khoản vay 170.000.000 đồng và 200.000.000 đồng số còn lại mới trừ vào khoản vay 500.000.000 đồng.

Sau đó ngày 12/02/2019 bị đơn có đến nhà nguyên đơn trả thêm số tiền 10.000.000 đồng và xin lại GCNQSDĐ mang tên H D Mlô để trả cho họ thì nguyên đơn đồng ý và đã trả lại. Như vậy bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 399.000.000 đồng, còn nợ lại 471.000.000 đồng tiền gốc bị đơn hẹn muộn nhất là cuối năm 2019 sẽ trả hết, nhưng đến hạn bị đơn không trả mặc dù nguyên đơn đã đòi nhiều lần. Toàn bộ số tiền trên là của nguyên đơn không liên quan đến các thành viên khác trong hộ gia đình.

Đối với GCNQSDĐ của: 1.Y S Bkrông số thửa 3113, tờ bản đồ 21 tại xã Ea T; 2. Y T Ayun số thửa 111, tờ bản đồ 56 tại xã K, huyện P; 3. Y B Mlô số thửa 2594a, tờ bản đồ 12 tại xã Ea T thì quan điểm của nguyên đơn sẽ trả lại cho bị đơn khi bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ. Nguyên đơn đã được Tòa án thông báo về việc cung cấp địa chỉ của những người đứng tên trong GCNQSDĐ nêu trên nhưng nguyên đơn không biết, không có đề cung cấp cho Tòa án.

Đối với Cavet xe ô tô BKS 47A-097..., năm 2019 nguyên đơn được biết bị đơn đã báo mất và đề nghị Công an cấp lại Cavet xe ô tô BKS 47A-097... và đã cầm cố xe cho người khác, đối với nội dung này nguyên đơn chưa yêu cầu Cơ quan Công an giải quyết về hình sự. Đối với khoản vay tại Ngân hàng M lãi suất hàng tháng vẫn do bị đơn trả đến khi nguyên đơn khởi kiện vụ án này thì bị đơn không trả nữa. Nguyên vọng của nguyên đơn là bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn sẽ sang tên lại GCNQSDĐ của các thửa đất số 3623, tờ bản đồ số 18 tại xã Ea T, huyện K; thửa đất số 271 và thửa số 275, cùng tờ bản đồ số 44 tại xã Ea N, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk cho bị đơn. Vì trước kia thủ tục chuyển nhượng chỉ trên pháp lý chứ nguyên đơn không sử dụng, tạo dựng tài sản trên đất nên không phát sinh tranh chấp. Vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này phát sinh tranh chấp các bên sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật sau.

Nay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 471.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 25/02/2020 đến thời điểm xét xử.

*** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn trình bày như sau:**

Bị đơn xác định bản thân là người đồng bào dân tộc thiểu số nhưng có khả năng nhận thức pháp luật, hiểu biết tiếng phổ thông nên không yêu cầu trợ giúp pháp lý cũng như người phiên dịch. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Bị đơn gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê có quan hệ vợ chồng, con cái. Bị đơn và nguyên đơn có quan hệ thông gia, quen biết vay mượn tiền nhiều lần có khoản trả, khoản chưa trả cụ thể:

Ngày 18/12/2014 bị đơn vay nguyên đơn số tiền 170.000.000đồng và giao GCNQSDĐ số BN 040776 mang tên Nguyễn Thị H1 để làm tin là, khoản vay này hẹn đến ngày 30/02/2015 sẽ trả. Ngày 26/01/2015 bị đơn vay tiếp số tiền 200.000.000đồng và giao Cavet xe ô tô BKS 47A-097... mang tên Nguyễn Thị H1

để làm tin, hạn 10 ngày sau tức là ngày 06/02/2015 sẽ trả. Hai khoản vay trên đều thỏa thuận lãi suất bằng miệng 4%/tháng (tương ứng 40.000đồng/1.000.000đồng/tháng). Đến hạn bị đơn chưa trả gốc và trình bày hoàn cảnh khó khăn nên các bên thỏa thuận bị đơn vẫn tiếp tục vay và trả lãi hàng tháng, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả lãi của hai khoản vay đến cuối năm 2018.

Ngày 05/9/2017, bị đơn tiếp tục vay thêm của nguyên đơn 500.000.000 đồng, khi vay bị đơn có giao cho nguyên đơn GCNQSDĐ để làm tin mang tên của: 1. Y S Bkrông số thửa 3113, tờ bản đồ 21 tại xã Ea T – Địa chỉ: Buôn L, xã Ea T; 2. Y T Ayun số thửa 111, tờ bản đồ 56 tại xã K, huyện P; 3. Y B Mlô số thửa 2594a, tờ bản đồ 12 tại – Địa chỉ: Buôn T, xã Ea T ; 4. H D Mlô, 5 Y Y Niê (là bị đơn) không nhớ số thửa. Mục đích vay đáo nợ Ngân hàng cho người khác để lấy tiền chênh lệch, lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày và cứ 4 ngày phải trả thêm 5.000.000 đồng tiền dịch vụ, thời hạn vay hạn bằng miệng trong thời hạn 10 ngày sẽ trả. Đến hạn người mà bị đơn đáo nợ dùm không trả nên bị đơn cũng không có trả cho nguyên đơn. Khoản vay này bị đơn đã trả tiền lãi khoảng 06 tháng (khi trả các khoản lãi trên bị đơn chỉ đưa tay không viết biên bản giao nhận, không có người làm chứng).

Đầu năm 2019 nguyên đơn yêu cầu bị đơn sang tên GCNQSDĐ mang tên của Y Yiang Niê và Nguyễn Thị H1 để nguyên đơn vay Ngân hàng trả cho nguyên đơn số tiền 389.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay 170.000.000 đồng và phần còn lại của khoản 500.000.000 đồng; ngày 12/02/2019 bị đơn trả thêm cho nguyên đơn 10.000.000 đồng tiền gốc và nhận lại GCNQSDĐ mang tên H D Mlô. Như vậy bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 471.000.000 đồng tiền gốc, xin hạn khi nào bán được đất sẽ trả. Đối với lãi đã trả bị đơn không tranh chấp, còn đối với lãi phát sinh xin nguyên đơn không tính nữa vì hoàn cảnh bị đơn khó khăn. Nguyên vọng của bị đơn sẽ trả hết tiền vay Ngân hàng và yêu cầu nguyên đơn chuyển nhượng đất ngược lại cho bị đơn.

Đối với các GCNQSDĐ bị đơn giao cho nguyên đơn làm tin là do các chủ sở hữu có tên trên vay tiền của bị đơn giao làm tin và bị đơn giao lại cho nguyên đơn, những người chủ sở hữu không biết nội dung này. Yêu cầu nguyên đơn trả lại 03 GCNQSDĐ mang tên 1. Y S Bkrông số thửa 3113, tờ bản đồ 21 tại xã Ea T – Địa chỉ: Buôn L, xã Ea T; 2. Y T Ayun số thửa 111, tờ bản đồ 56 tại xã K, huyện P; 3. Y B Mlô số thửa 2594a, tờ bản đồ 12 tại – Địa chỉ: Buôn T, xã Ea T và Cavet xe ô tô BKS 47A-097.. mang tên Nguyễn Thị H1 khi bị đơn trả hết nợ.

Các khoản vay này đều do ông Y K Niê và bà H1 vay nợ. Con trai bị đơn tên Y Y Niê không biết, vì mục đích bị đơn vay tiền về cho người khác vay lại, đáo nợ Ngân hàng lấy tiền lãi chênh lệch. Vì vậy vợ chồng bị đơn sẽ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn.

*** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Phát triển M trình bày:**

Hiện tại vợ chồng bà H, ông H3 có thể chấp các thửa đất số 3623, tờ bản đồ số 18 tại xã Ea T, huyện C; thửa đất số 271 và thửa số 275, cùng tờ bản đồ số 44 tại xã Ea N, huyện Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0116/PGDCQ/HĐBĐ ngày 25/01/2019 để vay Ngân hàng TMCP Phát triển M số tiền 400.000.000đồng.

Hiện nay ông Hồng bà H vẫn đang thực hiện đúng hợp đồng, không vi phạm nên Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện độc lập cũng như ý kiến gì khác, đồng thời xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 266 BLTTDS;

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền là: 499.128.042 đồng (trong đó gốc là 471.000.000 đồng, lãi là 28.128.042 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị H1 01 Cavet xe ô tô BKS 47A-097... mang tên Nguyễn Thị H1 và các GCNQSDĐ mang tên 1. Y S Bkrông số thửa 3113, tờ bản đồ 21 tại xã Ea T, huyện Cư K; 2. Y T Ayun số thửa 111, tờ bản đồ 56 tại xã K, huyện P; 3. Y B Mlô số thửa 2594a, tờ bản đồ 12 tại xã Ea T, huyện C để bị đơn trả lại cho các chủ sở hữu.

- Tách nội dung thế chấp và chỉnh lý biến động của các thửa đất các thửa đất số 3623, tờ bản đồ số 18 tại xã Ea T, huyện C; thửa đất số 271 và thửa số 275, cùng tờ bản đồ số 44 tại xã Ea N, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên phát sinh tranh chấp và có yêu cầu theo quy định pháp luật.

- Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Y Y Niê mỗi người có nghĩa vụ nộp 7.988.000 đồng án phí DSST. Ông Y K Niê được miễn nộp án phí DSST theo quy định pháp luật.

Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 11.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2019/0007034 ngày 25/2/2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 16/10/2020, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các bị đơn vắng mặt lần thứ hai, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê – Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê trong hạn luật định; kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Ngày 18/12/2014 bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê vay của nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 30/02/2015, không thỏa thuận về lãi suất, mục đích vay để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngày 26/01/2015 bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, bị đơn hẹn 10 ngày sau tức ngày 06/02/2015 sẽ trả, không thỏa thuận về lãi suất, mục đích vay để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngày 05/9/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê và Y Y Niê vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất, mục đích vay để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Các bên chốt lại số nợ tính đến ngày 12/02/2019 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 471.000.000 đồng tiền gốc.

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn thì thấy:

- Về số tiền nợ các bên đều thừa nhận tính đến thời điểm khởi kiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 471.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi một triệu đồng*).

- Về lãi suất: Bị đơn khai rằng các bên thỏa thuận lãi bằng miệng 5.000đ/1triệu/ngày, bị đơn đã trả lãi nhiều lần nhưng không lập biên bản và không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Nguyên đơn không thừa nhận ý kiến của bị đơn

và xác định khi vay các bên không thỏa thuận lãi. Ngày 25/02/2020 nguyên đơn đã đến nhà bị đơn đòi nợ và có xác nhận của Ban tự quản Buôn T. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định đây là thời điểm phát sinh tranh chấp là phù hợp nên cần chấp nhận. Vì vậy, thời điểm tính lãi bắt đầu từ ngày 25/2/2020 với mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể:

Từ ngày 25/2/2020 đến xét xử sơ thẩm 28/9/2020: (07 tháng 05 ngày) x 471.000.000 đồng x 10%/năm (0,8333%/tháng) = 28.128.042 đồng.

Như vậy, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là: 499.128.042 đồng (Trong đó gốc là 471.000.000 đồng, lãi là 28.128.042 đồng).

- Về nghĩa vụ trả nợ: Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020 (bút lục số 38, 39) phía bị đơn thừa nhận vào năm 2019 do không có khả năng trả nợ nên bị đơn đã sang tên 03 GCNQSD đất cho nguyên đơn để thế chấp ngân hàng lấy tiền trả nợ cho nguyên đơn (vì bị đơn đang nợ xấu không thể vay ngân hàng). Sau khi sang tên nguyên đơn vay Ngân hàng M phòng giao dịch Q số tiền 400.000.000 đồng, Ngân hàng thu lãi và chi phí vay 11.000.000 đồng, còn lại số tiền 389.000.000 đồng nguyên đơn và bị đơn thống nhất khấu trừ vào số tiền của 02 khoản vay 170.000.000 đồng và 200.000.000 đồng số còn lại mới trừ vào khoản vay 500.000.000 đồng. Do đó, số nợ 471.000.000 đồng còn lại nằm trong khoản vay ngày 05/9/2017 số tiền vay 500.000.000 đồng mà Y Y Niê ký vay tiền với bà Nguyễn Thị H. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê và Y Y Niê phải liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền 499.128.042 đồng là có căn cứ.

- Các đương sự đều xác định hiện tại nguyên đơn đang lưu giữ 01 Cavet xe ô tô BKS 47A-097... mang tên Nguyễn Thị H1 và các GCNQSDĐ mang tên 1. Y S Bkrông số thửa 3113, tờ bản đồ 21 tại xã Ea T; 2. Y T Ayun số thửa 111, tờ bản đồ 56 tại xã K, huyện P; 3. Y B Mlô số thửa 2594a, tờ bản đồ 12 tại xã Ea T và các đương sự đều không cung cấp được địa chỉ của những người nêu trên. Căn cứ biên bản xác minh ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tại công an xã KN được biết: Không có ai tên Y T Ayun và biên bản xác minh ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin tại công an xã Ea T xác định: Ông Y S Bkrông và ông Y B Mlô đã chết cách đây nhiều năm. Vì vậy, không thể tiến hành các thủ tục với những người nêu trên để làm rõ việc bị đơn giao tài sản là các GCNQSDĐ cho nguyên đơn giữ làm tin. Tuy nhiên, cần xác định việc các đương sự giao tài sản chỉ là để làm tin chứ không phải thế chấp theo quy định nên cần buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn các giấy tờ nêu trên để bị đơn trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

- Các đương sự đều xác định hiện nay các thửa đất cũ của bị đơn là thửa đất 2744, tờ bản đồ số 12 và thửa 4518, tờ bản đồ số 18 nay là các thửa đất số 3623, tờ bản đồ số 18 tại xã Ea T, huyện C; thửa đất số 271 và thửa số 275, cùng tờ bản đồ số 44 tại xã Ea N, huyện Đ mang tên nguyên đơn và đang thế chấp tại Ngân hàng M vay số tiền 400.000.000 đồng. Theo bản tự khai các bên đương sự trình bày khi nào bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn sẽ chuyển lại để chỉnh lý biến động mang tên bị đơn, người liên quan Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện độc lập

đồng thời xin từ chối tham gia tố tụng nên cần tách nội dung này ra giải quyết bằng một vụ án khác nếu các bên phát sinh tranh chấp theo quy định là có căn cứ.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên: *“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 của BLDS 2015”* là không đúng quy định nên cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà H để sửa phần này cho đúng quy định.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê và Y Y Niê. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Y Y Niê mỗi người có nghĩa vụ nộp 7.988.000đồng án phí DSST. Ông Y K Niê là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 11.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2019/0007034 ngày 25/2/2020.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSPT; bà Nguyễn Thị H1 và ông Y Y Niê phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Ông Y K Niê là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí DSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê và Y Y Niê.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Y K Niê, ông Y Y Niê có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền là: 499.128.042đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, một trăm hai mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó gốc là 471.000.000 đồng, lãi là 28.128.042 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị H1 01 Cavet xe ô tô BKS 47A-097... mang tên Nguyễn Thị H1 và các GCNQSDĐ mang tên 1. Y S Bkrông số thửa 3113, tờ bản đồ 21 tại xã Ea T, huyện C; 2. Y T Ayun số thửa 111, tờ bản đồ 56 tại xã K, huyện P; 3. Y B Mlô số thửa 2594a, tờ bản đồ 12 tại xã Ea T, huyện C để bị đơn trả lại cho các chủ sở hữu.

[2.3]. Tách nội dung thế chấp và chỉnh lý biến động của các thửa đất các thửa đất số 3623, tờ bản đồ số 18 tại xã Ea T, huyện C; thửa đất số 271 và thửa số 275, cùng tờ bản đồ số 44 tại xã Ea N, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên phát sinh tranh chấp và có yêu cầu theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Y Y Niê mỗi người có nghĩa vụ nộp 7.988.000 đồng (*Bảy triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn đồng*) án phí DSST. Ông Y K Niê được miễn nộp án phí DSST .

Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 11.800.000 đồng (*Mười một triệu, tám trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2019/0007034 ngày 25/2/2020.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0011056 ngày 27/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Nguyễn Thị H1, anh Y Y Niê mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0011048; AA/2019/0011049 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Y K Niê được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân